

Bản án số: 48/2017 /HNGĐ-PT

Ngày 24/11/2017

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Như Hiền
Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2017/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố BG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Kim T Sinh năm: 1983 (có mặt)

HKTT: Thôn T, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q Sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn ngày 05/11/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi cưới chị về nhà anh Q làm dâu và ở chung cùng với gia đình nhà chồng, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 3/2017 do gia đình nhà chồng được số tiền đền bù ruộng, chị muốn sử dụng số tiền đó

vào việc xây dựng công trình phụ trong gia đình nhưng bố mẹ chồng và chồng không đồng ý, do vậy giữa chị và bố mẹ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, chồng chị đuổi chị ra khỏi nhà, chị về nhà mẹ đẻ chị ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đỗ Ngọc M, sinh ngày 25/4/2012 và cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu, hiện tại chị làm công nhân thu nhập mỗi tháng 7.000.000đồng/tháng. Chị sống cùng bố mẹ đẻ chị nhưng chị có nhà đất riêng, do vậy chị đảm bảo cuộc sống cho ba mẹ con chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo anh Q trình bày: Về thời gian kết hôn như chị T khai là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại thôn T, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bố mẹ anh được tiền đền bù ruộng, chị T muốn lấy số tiền đền bù đó làm công trình phụ, nhưng bố mẹ anh đã gửi Ngân hàng không cho, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ chị T ở được hai tháng đến tháng 02/2017 chị T lại về nhà anh ở, đến tháng 4/2017 chị T về nhà mẹ đẻ chị T ở từ đó đến nay. Anh xác định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị T khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con, hiện tại anh làm nghề mộc ở nhà, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2017/HNGĐ-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BG đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Kim T được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đỗ Ngọc M, sinh ngày 25/4/2012 và cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 10/8/2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Anh Q có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 18/9/2017 anh Q là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Anh Q kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm đã giao 02 con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh được nuôi cháu Đỗ Tùng A. Trường hợp nếu được giao nuôi cháu Đỗ Tùng A anh không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con. Lý do: Anh Q cho rằng anh hoàn toàn có khả năng nuôi con, các con chung đã trên 36 tháng tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, anh Q là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Anh Q trình bày tại phiên tòa: Về tình cảm vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn, án sơ thẩm xử cho ly hôn nên anh không có ý kiến gì. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xử giao cả 2 con chung của vợ chồng cho chị T nuôi dưỡng anh không đồng ý. Khi chị T về nhà mẹ đẻ có mang theo cháu Đỗ Ngọc M, còn cháu Đỗ Tùng A vẫn ở với anh. Cháu Đỗ Tùng A trên 36 tháng tuổi, hiện nay anh có nghề làm Mộc làm tại gia đình, thu nhập khá, anh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, anh yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Tùng A. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T trình bày tại phiên tòa: Hiện nay chị làm công nhân thu nhập ổn định, chị có chỗ ở công ty May, có chỗ ở riêng, đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Hơn nữa cháu Đỗ Tùng A còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Chị không muốn hai con mỗi đứa một nơi nên đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vợ chồng chị T, anh Q có 02 con chung. Cháu Đỗ Ngọc M hiện đang ở cùng chị T, cháu Đỗ Tùng A hiện đang ở cùng anh Q. Hiện nay cả anh Q, chị T đều đảm bảo điều kiện nuôi dạy con chung. Cháu Đỗ Tùng A đã trên 36 tháng tuổi. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của anh Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Đỗ Tùng A cho anh Q nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Ngọc M cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho bên nào. Do chấp nhận kháng cáo nên anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi ý kiến tranh tụng của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Q không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu cháu Đỗ Ngọc M, sinh ngày 25/4/2012 và cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 10/8/2014. Bản án sơ thẩm giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Q kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giao một con chung là cháu Đỗ Tùng A cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét kháng cáo của anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc M, sinh ngày 25/4/2012 và cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 10/8/2014. Hiện nay cháu Đỗ Ngọc M đang ở với chị T, cháu Đỗ Tùng A ở với anh Q. Cháu Đỗ Tùng A đã trên 36 tháng tuổi. Chị T và anh Q đều có chỗ ở ổn định, kinh tế đảm bảo, thu nhập tốt nên đều có khả năng nuôi dạy con chung phát triển tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu cũng như quyền và nghĩa vụ của vợ chồng sau khi ly hôn nên cần giao chị T nuôi cháu Đỗ Ngọc M, giao anh Q nuôi cháu Đỗ Tùng A. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của anh Q, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí : Do chấp nhận kháng cáo nên anh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh Q tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Q. Giao cháu Đỗ Tùng A, sinh ngày 10/8/2014 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Ngọc M, sinh ngày 25/4/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Q, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q, chị T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2012/06270 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố BG;
- Chi cục THDS thành phố BG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Quốc Hùng